TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149 /2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 -2025
"V/v Ly hôn giữa chị S và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Không có tham gia.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 117 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Bé S,** sinh ngày 18/02/1994.
Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Kim Đ**, sinh ngày 21/11/1976.
Nơi cư trú: số 600, tổ 32, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị S xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị Bé S trình bày: Do quyen biết và được gia đình đồng ý chị và anh Đ tổ chức lễ cưới năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C năm 2023. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ tháng 8/2024. Nguyên nhân do anh Đ có quan hệ tình cảm với người khác, chị nhiều lần khuyên anh Đ từ bỏ nhưng anh không thực hiện, hiện chị không còn tình cảm với anh Đ.

Con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 11/10/2023. Hiện các con đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Chị S yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị S yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo qui định pháp luật.

- Bị đơn anh Nguyễn Kim Đ dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị S khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đ, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Bé S có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm. Đối với anh Nguyễn Kim Đ dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị S và anh Đ tiến đến hôn nhân năm 2022 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc 01 thời gian ngắn đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Nguyên nhân theo chị S trình bày do anh Đ có quan hệ tình cảm với người khác. Chị S xác định không còn tình cảm với anh Đ nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh Đ dù được triệu tập hoà giải, xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt chứng tỏ anh không còn thiết tha đoàn tụ với chị S. Từ đó cho thấy mâu thuẩn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị S được ly hôn với anh Đ là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 11/10/2023, hiện các con đang sống cùng chị S. Chị S yêu cầu được tiếp tục

nuôi con chung, đối với anh Đ cũng không ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị S. Xét thấy, con chung được chị S chăm sóc nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay các cháu vẫn phát triển bình thường, hiện con chung cũng chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trần Đăng K cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật. Xét thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con đối với con chung. Do chị S không xác định được mức cấp dưỡng và anh Đ không tự nguyện nên Hội đồng xét xử xác định mức cấp dưỡng theo qui định tại khoản 2 điều 7 Nghị quyết 01/2024/ NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao là 2.000.000đồng/ tháng là phù hợp với điều kiện và nhu cầu của con chung.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Bé S.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bé S được ly hôn với anh Nguyễn Kim Đ.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 11/10/2023 cho chị Trần Thị Bé S tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Kim Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.3. Anh Nguyễn Kim Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí:

4.1. Chị Trần Thị Bé S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016525 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4.2. Anh Nguyễn Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Chị S, anh Đ có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Riêng phần quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH